

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**
2. Ông **Đinh Công Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *N1 đơn:* Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)
2. *Bị đơn:* Anh **Trương Văn C**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án N1 đơn chị Phạm Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh C có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2002. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 11/2021 đến nay do thường xuyên mâu thuẫn, không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 04 người con chung là Trương Mộng T, sinh ngày 22/8/2001 đã có gia đình riêng, Trương Mộng N, sinh ngày 25/12/2007, Trương Tuyết Ng, sinh ngày 22/9/2012 và Trương Phúc N1, sinh ngày 29/5/2015, hiện đang sống chung với chị. Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trương Mộng N, Trương Tuyết Ng và Trương Phúc N1, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị D được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Tiếp tục giao Trương Mộng N, sinh ngày 25/12/2007, Trương Tuyết Ng, sinh ngày 22/9/2012 và Trương Phúc N1, sinh ngày 29/5/2015 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trương Mộng T đã có gia đình riêng, chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị D và anh C là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh C tự nguyện sống chung từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân

hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn mà không hàn gắn được. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng chị D xác định không còn tình thương với anh C và cương quyết ly hôn. Mặt khác anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến, như vậy anh C đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị D thì chị D và anh C có bốn người con chung là Trương Mộng T, sinh ngày 22/8/2001, Trương Mộng N, sinh ngày 25/12/2007, Trương Tuyết Ng, sinh ngày 22/9/2012 và Trương Phúc N1, sinh ngày 29/5/2015. Đối với cháu Trương Mộng T, sinh ngày 22/8/2001 đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh C đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi ba người con chung của chị D nhưng anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D. Xét thấy, cháu Mộng N, cháu Tuyết Ng và cháu N1 sống cùng với chị D từ khi ly thân đến nay, hiện các cháu phát triển tốt, chị D có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/4/2022 cháu Tuyết Ng, cháu Mộng N đều có nguyện vọng sống cùng với chị D. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D: Giao cháu Trương Mộng N, sinh ngày 25/12/2007, Trương Tuyết Ng, sinh ngày 22/9/2012 và Trương Phúc N1, sinh ngày 29/5/2015 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Trương Văn C.

2. Về con chung:

Đối với cháu Trương Mộng T, sinh ngày 22/8/2001 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Giao cháu Trương Mộng N, sinh ngày 25/12/2007, Trương Tuyết Ng, sinh ngày 22/9/2012 và Trương Phúc N1, sinh ngày 29/5/2015 cho chị Phạm Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị D đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004923 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trương Văn C không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly